



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001		6.0	Sáu phẩy không	C22TH3	
2	2010010050	Phạm Quốc Bảo	20/07/2002	Bao	8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
3	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	Ba	10	Mười phẩy không	C22TH2	
4	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	ABuh	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
5	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	Bab	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
6	2010010058	Phạm Hữu Cường	05/11/2002				C22TH2	
7	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	uo	8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
8	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	ng	9.0	Chín phẩy không	C22TH3	
9	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	gđ	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
10	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	hu	6.0	Sáu phẩy không	C22TH3	
11	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	haz	6.0	Sáu phẩy không	C22TH2	
12	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	2.ah	10	Mười phẩy không	C22TH3	
13	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002				C22TH3	
14	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	lthieu	8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
15	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	hoai	9.0	Chín phẩy không	C22TH2	
16	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	hu	8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
17	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	ta	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
18	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	k	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
19	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	le	9.0	Chín phẩy không	C22TH2	
20	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	nguyen	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
21	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	quy	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
22	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	du	6.0	Sáu phẩy không	C22TH2	
23	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	hu	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
24	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	nguyen	8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
25	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	tr	8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
26	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	dn	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
27	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	nguyen	8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
28	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	thuong	9.0	Chín phẩy không	C22TH2	
29	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	tr	9.0	Chín phẩy không	C22TH2	
30	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	son	10	Mười phẩy không	C22TH2	
31	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	tao	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
32	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	to	10	Mười phẩy không	C22TH3	
33	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	le	8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
34	2010010083	Nguyễn Văn Tắt	18/12/2002	tat	6.0	Sáu phẩy không	C22TH3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<i>Th</i>	10	Mười phẩy không	C22TH3	
36	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<i>L</i>	10	Mười phẩy không	C22TH2	
37	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<i>Th</i>	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
38	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<i>Th</i>	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
39	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<i>Th</i>	8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
40	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<i>Tr</i>	10	Mười phẩy không	C22TH3	
41	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<i>Tr</i>	10	Mười phẩy không	C22TH2	
42	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<i>Tr</i>	8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
43	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002	<i>Tr</i>	9.0	Chín phẩy không	C22TH2	
44	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<i>Vi</i>	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
45	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<i>V</i>	9.0	Chín phẩy không	C22TH2	
46	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<i>V</i>	10	Mười phẩy không	C22TH3	
47	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<i>Y</i>	9.0	Chín phẩy không	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 01..tháng 4..năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Trần Duy Lâm



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001		3.5	Ba phẩy năm	C22TH3	
2	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	Bao	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
3	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	Ba	7.5	Bảy phẩy năm	C22TH2	
4	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	Binh	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
5	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	Ba	7.5	Bảy phẩy năm	C22TH3	
6	2010010058	Phạm Hữu Cường	05/11/2002				C22TH2	
7	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	Duong	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
8	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	Du	7.5	Bảy phẩy năm	C22TH3	
9	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	Dao	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
10	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	Ha	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
11	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	Hao	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
12	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	Hai	8.5	Tám phẩy năm	C22TH3	
13	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002				C22TH3	
14	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	Hieu	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH3	
15	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	Hoai	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
16	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	Huy	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH3	
17	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	Hung	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
18	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	Khang	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
19	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	Kh	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
20	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	Ngoc	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
21	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	My	7.5	Bảy phẩy năm	C22TH3	
22	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	Ng	6.0	Sáu phẩy không	C22TH2	
23	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	Ng	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
24	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	Ng	6.0	Sáu phẩy không	C22TH2	
25	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	Phap	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
26	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	Phi	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
27	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	Phong	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
28	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	Phuoc	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
29	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	Quoc	7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
30	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	Son	8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
31	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	Tai	6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
32	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	Tam	8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
33	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	Tan	6.0	Sáu phẩy không	C22TH2	
34	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	Tat	7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
36	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
37	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH2	
38	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001		6.0	Sáu phẩy không	C22TH3	
39	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
40	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH3	
41	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
42	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001		7.0	Bảy phẩy không	C22TH3	
43	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH2	
44	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
45	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH2	
46	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH3	
47	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

CHUNG

Ngày.....tháng.....năm.....

KHẨ TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 01 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Trần Duy Lâm

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002		6.0	Sáu phẩy không	C22TH1	
2	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
4	2010010020	Nguyễn Văn Đạt	14/01/2000		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002		9.0	Chín phẩy không	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999				C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
15	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
16	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
17	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
18	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
19	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002		9.0	Chín phẩy không	C22TH1	
20	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
21	2010010009	Lý Võ Phát	14/10/2001		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
22	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002		9.0	Chín phẩy không	C22TH1	
23	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002		9.0	Chín phẩy không	C22TH1	
24	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002		6.0	Sáu phẩy không	C22TH1	
25	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002				C22TH1	
26	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
27	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
28	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
29	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
30	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002		6.0	Sáu phẩy không	C22TH1	
31	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	
32	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002		10	Mười phẩy không	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

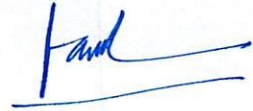
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 01..tháng 4..năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Duy Lâm





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002		6.0	Sáu phẩy không	C22TH1	
2	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2000		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Điệp	15/02/2001		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999				C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
15	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
16	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
17	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH1	
18	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH1	
19	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
20	2010010016	Sơn Thanh Nguyên	13/08/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
21	2010010009	Lý Vũ Phát	14/10/2001		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH1	
22	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
23	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002		6.0	Sáu phẩy không	C22TH1	
24	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH1	
25	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002				C22TH1	
26	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	
27	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH1	
28	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002		6.0	Sáu phẩy không	C22TH1	
29	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002		7.5	Bảy phẩy năm	C22TH1	
30	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002		8.0	Tám phẩy không	C22TH1	
31	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002		6.5	Sáu phẩy năm	C22TH1	
32	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002		7.0	Bảy phẩy không	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 01..tháng 4..năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Duy Lâm



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010066	Trịnh Kiều Loan	14/03/2002				C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 1...tháng 4...năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

faml

ThS. Trần Duy Lâm



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm - (07024)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010066	Trịnh Kiều Loan	14/03/2002				C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 01...tháng 4...năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: STT951

Thời gian thi: 15/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần Thị Hoa
Giám thị 2: Khanh Ngọc Lý Ký tên: Khanh Ngọc Lý
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>Trần Trọng An</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH1	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Huỳnh Thiên Bá</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH2	
3	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	<u>Dư Hoài Bảo</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH1	
4	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Phan Quốc Bảo</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH2	
5	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Châu Văn Bình</u>	5.2	Năm, hai	C22TH2	
6	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Lê Thanh Bình</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
7	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Nguyễn Ngọc Trúc Đào</u>	7	Bảy	C22TH2	
8	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002	<u>Huỳnh Văn Đạt</u>	7	Bảy	C22TH1	
9	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Điệp	15/02/2001	<u>Nguyễn Thị Hồng Điệp</u>	8.8	Tám, tám	C22TH1	
10	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Đặng Hoàng Dự</u>	5.2	Năm, hai	C22QT1	
11	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>Lê Chí Đức</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
12	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>Văn Tiến Dũng</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TH1	
13	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>Nguyễn Thùy Dương</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
14	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>Mai Thị Thu Hà</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TH2	
15	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>Bùi Viết Hải</u>	7	Bảy	C22TH3	
16	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Nguyễn Tấn Hào</u>	7	Bảy	C22TH2	
17	2010010015	Phan Nhật Hào	23/04/2002	<u>Phan Nhật Hào</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
18	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>Hoàng Thanh Hiền</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
19	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Lâm Trọng Hiếu</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH2	
20	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Trần Huỳnh Minh Hoài</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	
21	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Tạ Quốc Hùng</u>	5.6	Năm, sáu	C22TH3	
22	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>Trần Gia Huy</u>	9	Chín	C22TH1	
23	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>Dương Hoàng Huy</u>	6	Sáu	C22TH1	
24	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Trần Gia Huy</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH3	
25	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>Nguyễn Trọng Khang</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
26	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Nguyễn Hoàng Khang</u>	7	Bảy	C22TH3	
27	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Lê Quốc Khánh</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH2	
28	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>Dương Hồng Khánh</u>	5.8	Năm, tám	C22TH1	
29	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<u>Nguyễn Yên Khoa</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TH1	
30	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>Nguyễn Lâm</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH1	
31	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>Nguyễn Duy Linh</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
32	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>Chu Tuấn Linh</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
33	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Nguyễn Hữu Ngọc Long</u>	7	Bảy	C22TH2	
34	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>Nguyễn Trần Trúc Ly</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
35	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>Nguyễn Văn Mai</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

Số sinh viên đạt: 35

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Duy Lâm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: DH89UD

Thời gian thi: 15/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Đặng Thanh Bình Ký tên: Đặng Thanh Bình
Giám thị 2: Trần Thị Nguyễn Thu Ký tên: Trần Thị Nguyễn Thu
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>Quang</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
2	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>Quốc</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH2	
3	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>Quy</u>	5.8	Năm, tám	C22TH1	
4	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>Sơn</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
5	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>Tài</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	
6	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>Tài</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH1	
7	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>Tâm</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH3	
8	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>Tân</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH2	
9	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	<u>Tất</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH3	
10	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>Thái</u>	5.6	Năm, sáu	C22TH2	
11	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>Thắm</u>	7	Bảy	C22TH2	
12	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>Thành</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH3	
13	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>Thịnh</u>	5	Năm	C22TH3	
14	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>Thông</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
15	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>Thư</u>	5.4	Năm, bốn	C22TH3	
16	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>Thuận</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
17	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>Trí</u>	6	Sáu	C22TH1	
18	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>Trí</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH1	
19	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<u>Trí</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH3	
20	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>Trung</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
21	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhật Tuấn	15/04/2002	<u>Tuấn</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH2	
22	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>Tuấn</u>	7.4	Bảy, bốn	C22DDT	
23	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/10/2002	<u>Tuyền</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Trần Duy Lâm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: 56WEZU

Thời gian thi: 15/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Tùng Sơn Ký tên: why
Giám thị 2: Quang Cường Ký tên: Me
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>Out</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
2	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>cs</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH3	
3	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>lv</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH2	
4	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>nguyen</u>	5.2	Năm, hai	C22TH2	
5	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>Sms</u>	8	Tám	C22TH1	
6	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>u</u>	5.4	Năm, bốn	C22TH2	
7	2010010009	Lý Văn Phát	14/10/2001	<u>Phat</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
8	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>DP</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH3	
9	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>Nguyen</u>	8	Tám	C22TH3	
10	2010010051	Trương Văn Phương	03/01/1999	<u>Phuong</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	
11	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>Vi</u>	8.2	Tám, hai	C22TH3	
12	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>lv</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH2	
13	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>lv</u>	6	Sáu	C22TH1	
14	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>lv</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH3	
15	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>lv</u>	8	Tám	C22TH1	
16	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>Yen</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 16

Số sinh viên đạt: 16

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Duy Lâm

ThS. Trần Duy Lâm



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm

Ngày thi: 15/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Phạm Duy SangKý tên: [Signature]Giám thị 2: Lê Trung SơnKý tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
2	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
3	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
4	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
5	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
6	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
7	2010010009	Lý Vỹ Phát	14/10/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
8	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
9	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
10	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
11	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
12	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
13	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
14	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
15	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
16	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm

Ngày thi: 15/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Đặng Thanh Hùng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Ngọc Lan Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Quang	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010024	Cao Trịnh	Quang	10/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
2	2010010039	Trần Minh	Quốc	24/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
3	2010010014	Hồ Trần	Quy	07/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
4	2010010067	Nguyễn Ngọc	Sơn	25/02/2000	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
5	2010010033	Nguyễn Ngọc	Tài	18/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
6	2010010046	Nguyễn Tấn	Tài	03/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
7	2010010087	Nguyễn Thanh	Tâm	20/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
8	2010010047	Lê Châu	Tân	23/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
9	2010010083	Nguyễn Văn	Tất	18/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
10	2010010084	Lê Phúc	Thành	03/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
11	2010010054	Lưu Như	Thái	27/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
12	2010010062	Huỳnh Thị Vân	Thắm	03/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
13	2010010080	Lê Phú	Thịnh	13/10/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
14	2010010028	Nguyễn Thành	Thông	01/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
15	2010010010	Bùi Minh	Thuận	04/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
16	2010010079	Hà Anh	Thư	13/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
17	2010010091	Nguyễn Hữu	Trí	25/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
18	2010010013	Nguyễn Thanh	Trí	29/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
19	2010010025	Thái Minh	Trí	23/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
20	2010010038	Ngô Minh	Trung	16/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
21	2010030025	Hồ Lê Anh	Tuấn	29/09/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
22	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt	Tuấn	15/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
23	2010010022	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	03/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG
P
KHẢO



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901404

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trần Duy Lâm

Ngày thi: 15/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

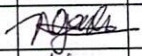
Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ban Thanh Ruby Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
2	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
3	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
4	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
5	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
6	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
7	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
8	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
9	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
10	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
11	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
12	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
13	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
14	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
15	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
16	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
17	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
18	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
19	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
20	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
21	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
22	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
23	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
24	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
25	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
26	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
27	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
28	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
29	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
30	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
31	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
32	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001					C22TH2	
34	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002					C22TH1	
35	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002					C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 35 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

